



Thư Chúc Mừng Năm Mới 2014

**BAN GIÁM HIỆU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH**

*Kính gửi Hội đồng biên tập, Giới chức,
Cộng tác viên và Bạn đọc của Tạp chí Phát triển & Hội nhập*

*Năm qua, mặc dù chịu những tác động không thuận lợi của nền kinh tế nhưng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh (UEF) vẫn kiên định thực hiện sứ mạng là một trường đại học Việt Nam chất lượng cao, hướng vào chuẩn mực đào tạo quốc tế, hướng thành một trường đại học hàng đầu Việt Nam và không ngừng phát triển, phát triển bền vững cùng tiến trình hội nhập toàn cầu với tôn chỉ: **Chất Lượng - Hiệu Quả - Hội Nhập - Không Vụ Lợi**. Mục tiêu phát triển của trường lại càng được sáng tỏ và góp phần tích cực vào chủ trương cải tổ giáo dục toàn diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa được tiến hành trong thời gian gần đây.*

Trong niềm tự hào được xã hội công nhận về uy tín và năng lực đào tạo của Trường UEF, Tạp chí Phát triển và Hội nhập cũng dần dần nâng cao chất lượng bài viết khoa học theo những chuẩn mực chung của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Tạp chí ngày càng thu hút được nhiều bài viết có giá trị nghiên cứu định tính và định lượng tốt, phù hợp với tình hình thực tiễn đổi mới kinh tế trong nước. Sự đa dạng phong phú về mặt đề tài và địa bàn hoạt động của các cộng tác viên cả nước cho thấy Tạp chí đang trên đà phát triển và khẳng định được thương hiệu của mình.

Trước thềm năm mới, Xuân Giáp Ngọ 2014, thay mặt Ban giám hiệu và Hội đồng biên tập Tạp chí Phát triển & Hội nhập, kính chúc Giới chức, Cộng tác viên và Bạn đọc trong và ngoài nước của Tạp chí Phát triển & Hội nhập mạnh khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

**HIỆU TRƯỞNG - TỔNG BIÊN TẬP
GS. TS. NGND. NGUYỄN THANH TUYỀN**

Xây dựng ngân hàng xanh tại Việt Nam

NCS NGUYỄN HỮU HUÂN

Đại học Kinh tế TP.HCM

Bài nghiên cứu này chỉ ra sự quan trọng của nghiệp vụ ngân hàng xanh, tham thảo những kinh nghiệm quốc tế và làm nổi bật những bài học đáng quý cho các hoạt động ngân hàng và sự phát triển bền vững ở VN. Tuy nhiên, bài nghiên cứu nhận thấy khá ít có ngân hàng hay tổ chức tài chính tiên phong thực hiện điều này ở VN mặc dù họ tham gia với một vai trò khá tích cực trong nền kinh tế. Chính vì thế, đề tài kiến nghị những chính sách giải pháp thích hợp và bước khởi đầu khuyến khích hoạt động ngân hàng xanh tại VN.

Từ khoá: *Ngân hàng xanh, phát triển bền vững, tổ chức tài chính, hoạt động ngân hàng tại VN.*

1. Giới thiệu

Phát triển bền vững đang nổi lên như trào lưu mới trong tiến trình về quan niệm phát triển, do sự không ổn định trong quá trình phát triển và sự khai thác quá mức môi trường tự nhiên cho các lợi ích kinh tế. Phát triển bền vững có thể đạt được hiệu quả nhất bằng cách để thị trường hoạt động dưới những công cụ kinh tế và những cơ chế quản lý chi phí một cách hiệu quả. Trong đó, một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động công nghiệp chung và tăng trưởng kinh tế là các định chế tài chính như khu vực ngân hàng. Bởi vì khu vực ngân hàng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ở cả mặt chất lượng lẫn số lượng, và làm thay đổi bản chất của quá trình tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, khu vực ngân hàng còn là nguồn tài trợ chính để đầu tư cho những dự án thương mại là những dự án có đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, ngành ngân hàng có thể nói là đóng một

vai trò quyết định trong việc thúc đẩy những khoản đầu tư hướng tới phát triển môi trường bền vững và trách nhiệm cộng đồng. Bản thân các ngân hàng có thể không phải là những kẻ gây ô nhiễm, nhưng họ có thể liên quan đến công ty hay dự án đầu tư gây ô nhiễm trong hiện tại hoặc tương lai.

Khu vực ngân hàng thông thường được coi là thân thiện với môi trường nếu tính theo lượng phát thải và gây ô nhiễm. Những tác động môi trường bên trong khu vực ngân hàng như việc sử dụng năng lượng, giấy và nước thường không đáng kể. Các tác động môi trường của ngân hàng không trực tiếp liên quan đến hoạt động ngân hàng mà liên quan đến hoạt động bên ngoài được tạo ra bởi các khách hàng của ngân hàng. Vì thế, tác động của hoạt động bên ngoài của các ngân hàng dù rất lớn song lại khó để ước tính. Hơn nữa, việc quản lý môi trường trong ngành ngân hàng khá gần giống với quản trị rủi ro. Nó làm tăng giá trị doanh nghiệp

và hạ thấp tỉ lệ thua lỗ với việc chất lượng danh mục đầu tư được nâng cao hơn. Vì thế, việc khuyến khích đầu tư cho môi trường và cẩn trọng trong việc cấp tín dụng là một trong những nghĩa vụ của ngành ngân hàng. Hơn nữa, những ngành đã và có ý định đi theo xu hướng xanh, có thể được ưu tiên cấp tín dụng bởi các ngân hàng. Phương pháp tài chính này được gọi là “ngân hàng xanh”, đây là một nỗ lực của hệ thống ngân hàng để các ngành công nghiệp xanh hóa và góp phần phục hồi môi trường tự nhiên. Ý tưởng “ngân hàng xanh” sẽ giúp đem lại lợi ích cho cả ngân hàng, ngành công nghiệp và nền kinh tế. Ngân hàng xanh không chỉ sẽ thúc đẩy quá trình xanh hóa của các ngành mà nó còn làm tăng chất lượng tài sản của các ngân hàng trong tương lai.

Trên bình diện quốc tế, hiện nay đang có một mối quan tâm ngày càng lớn về trách nhiệm của ngân hàng và của các nhà đầu tư tài chính đối với môi trường và xã

hội, ngân hàng và các định chế tài chính sẽ hoạt động hiệu quả hơn khi hướng tới mục tiêu này với vai trò trung gian trong nền kinh tế và khả năng thu hút lượng lớn các nhà đầu tư. Vấn đề môi trường không còn chỉ là trách nhiệm của chính phủ và những đơn vị gây ô nhiễm, mà còn là trách nhiệm của các bên liên quan như các định chế tài chính của nền kinh tế. Ví dụ như ngân hàng có thể đóng vai trò rất quan trọng trong mối quan hệ hỗ trợ nhau giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Để phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ, thì việc thi hành các biện pháp bảo tồn môi trường, hỗ trợ tầng lớp cùng cực của xã hội, quan tâm đến chất lượng cuộc sống và thiên nhiên là những nguyên tắc cơ bản mà các định chế tài chính quốc tế đang dựa vào trong các chiến lược kinh doanh trong những năm gần đây.

Hoạt động ngân hàng nhắm đến một mức tỉ suất sinh lợi dài hạn dựa trên hoạt động tín dụng và đầu tư. Tuy nhiên, do trách nhiệm nợ liên quan đến môi trường nên mỗi lần mở rộng tín dụng và đầu tư đều kèm theo rủi ro không thanh toán và sự giảm giá trị (trong trường hợp đầu tư trực tiếp). Vì vậy, việc các ngân hàng tuân thủ những tiêu chí đánh giá tác động môi trường ở các dự án trước khi tài trợ là vô cùng quan trọng. Đã có những nghiên cứu cho thấy sự tương quan dương giữa hiệu suất môi trường và hiệu quả tài chính (Hamilton 1995; Hart 1995; Blacconiere & Pattern 1993). Vì vậy, các định chế tài chính cần cấp thiết cần nhắc hiệu quả môi trường trong quyết định đầu tư ở công ty hay tư vấn khách hàng trong bối cảnh hiện tại. Việc thiết lập những quy tắc khác

nhau cho việc quản trị môi trường như luật bảo vệ tài nguyên, quy định nước sạch, không khí sạch, quản lý hóa chất độc hại được nhìn nhận là những nhân tố tiềm năng quan trọng giải thích việc gia tăng các trách nhiệm nợ gần đây liên quan đến môi trường của các định chế ngân hàng. Việc tuân thủ các nguyên tắc này sẽ mang lại lợi ích cho các tổ chức tài chính, người tiêu dùng và cả các bên liên quan với công ty.

Trong vài thập niên trở lại đây, đã có những nỗ lực áp dụng chiến lược phát triển bền vững trong một vài quý ở tầm quốc tế. Những tổ chức đa phương, tập đoàn quốc tế, định chế tài chính đa quốc gia áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và chiến lược để định giá các dự án đầu tư. Và trong những năm gần đây, tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO) đã ban hành một loạt những hướng dẫn chi tiết để gắn kết các mục tiêu bảo vệ môi trường và chống ô nhiễm vào các hoạt động công nghiệp trên khắp thế giới, gọi chung là ISO 14000. Việc này đã thúc đẩy ngành ngân hàng mở rộng việc sử dụng những thông tin về môi trường trong quá trình mở rộng tín dụng, và quyết định đầu tư. Trong bối cảnh này, bài nghiên cứu hướng tới việc thảo luận những vấn đề bền vững trong hoạt động ngân hàng và làm thế nào các ngân hàng có thể đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng và phát triển bền vững, đặc biệt ở bối cảnh VN.

2. Nghiệp vụ ngân hàng xanh: Những bước tiên phong tầm quốc tế

Việc tham gia ngày càng sâu rộng của các ngân hàng trong hệ thống quản lý môi trường là do áp lực trực tiếp và gián tiếp từ các tổ chức phi chính phủ trong nước và

quốc tế (NGOs), các tổ chức trung gian và trong nhiều trường hợp là thị trường tiêu thụ thông qua phản ứng người tiêu dùng. Trong những năm đầu thập niên 90, chương trình môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEP) đã đưa ra một đề xuất và hiện tại được biết tới với tên gọi *Các bước tiên phong tài chính UNEP* (UNEPFI). Khoảng 200 tổ chức tài chính toàn cầu đã kí kết những văn kiện đầu tiên để gia tăng sự bảo vệ cũng như sự thống nhất của những cơ chế thị trường đến những thành quả môi trường chung. Với mục tiêu chung là thống nhất những nhân tố thị trường và xã hội với những thành tựu tài chính và rủi ro gắn liền với những nhân tố tài chính. Khi những ràng buộc của UNEPFI được thi hành, việc bảo vệ các yếu tố môi trường cho sự phát triển bền vững được xem như là yếu tố cơ bản của triết lý quản lý kinh doanh bền vững. Chúng đã biện hộ cho những phương pháp tiếp cận phòng ngừa hướng về môi trường quản lý và đề ra việc thống nhất môi trường nghiên cứu giữa hoạt động kinh doanh bình thường, quản lý tài sản và quyết định kinh doanh của các ngân hàng. Đơn vị môi trường IFC được tổ chức vào năm 1991 để xem xét các dự án dành cho việc đánh giá môi trường. Tương tự ngân hàng xuất nhập khẩu Mỹ cũng thường xuyên xem xét lại những hoạt động tài trợ xuất khẩu trên cơ sở liên quan đến môi trường. Ngoài ra còn có một số các ngân hàng khác quan tâm đến triết lý kinh doanh bền vững trong thời gian qua như ngân hàng Netherland-based ABN-Amro đã phát triển chính sách quản lý rủi ro kinh doanh để hợp nhất, quản lý tài sản phi tài chính gắn liền với sự tuyển dụng lao động. Tương tự

như vậy, các ngân hàng toàn cầu lớn như ABN Amro, Deutsche, Standard Chartered, HSBC,... chính sách hoạt động hướng tới môi trường của các ngân hàng này cũng đã được thảo luận thông qua Hiệp định thư Kyoto. Xa hơn nữa, chính phủ Hà Lan còn có yêu cầu cho các ngân hàng trong việc phát triển những thành quả đạt được. Cuộc đối thoại giữa các ngân hàng và chính phủ trong năm 1999 đã bắt đầu từ những chính sách cải thiện môi trường thông qua phát triển của các sản phẩm và dịch vụ tài chính mới.

Tương tự, Earth và Rainforest Action Network (FoE, RAN) đã thách thức ngành công nghiệp với những chiến dịch rất thu hút thể hiện qua trường hợp của các ngân hàng thương mại là “các quỹ tai họa” vào năm 2000 tại Mỹ. Vào năm 2002, liên minh toàn cầu của các NGOs đã hình thành các liên kết có tên là “BankTract” giúp xúc tiến các khoản tài trợ phù hợp tại khu vực thương mại. Liên minh được tạo ra bởi các ngân hàng với 6 bộ phận cơ bản ủng hộ bảo vệ môi trường và công bằng xã hội, và được biết đến như tuyên bố chung Collevocchio. Sáu yếu tố cơ bản này bao gồm hướng tới sự bền vững, không gây thiệt hại, sự trách nhiệm, tính khả thi, minh bạch và sự chống đỡ của thị trường và chính phủ. Trên 200 công ty đã tán thành tuyên bố này và hối thúc các ngân hàng tiến tới thực hiện những quy định này vào công việc kinh doanh của họ. Bản tuyên bố chính thức này cho rằng “Tài chính và thương mại là trung tâm của lịch sử phân bổ giữa các nguồn lực tự nhiên trên thế giới đến sản xuất và chi tiêu”. Tất cả sự quan tâm dành cho những khoản tài chính đã được xác

nhận hoặc những khoản tài trợ bị ép buộc được phát minh ra bởi các tổ chức ngân hàng và dính liền với chính sách môi trường và xã hội, nhìn chung những nguyên tắc này có thể sử dụng để đánh giá các dự án dưới góc độ phát triển bền vững của nền kinh tế. Những nhóm nhỏ các ngân hàng và IFC cùng nhau bắt đầu quá trình phác thảo các nguyên tắc chung vào tháng 10/2002 và tiến tới những nguyên tắc riêng vào tháng 6/2003 – điều được xem như là những Nguyên tắc Equator được 10 ngân hàng thương mại đứng đầu chấp nhận một cách tự nguyện. Những nguyên tắc Equator này về sau được hoàn thiện và ban hành vào tháng 6/2006. Độ bao phủ của dự án được tài trợ và mở rộng trong những lần sửa đổi các nguyên tắc cơ bản từ mức thấp nhất là 50 đến 100 triệu USD. Ngay sau đó 46 tổ chức tài chính từ 16 quốc gia hoạt động kinh doanh trên 100 nước đã chấp nhận nguyên tắc Equator. Do đó nguyên tắc Equator đã trở thành phổ biến cho việc thẩm định các dự án tài chính nhằm kết hợp chặt chẽ tính khả thi của dự án với việc bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội.

Hoạt động của các ngân hàng Equator (ngân hàng tuân theo nguyên tắc Equator) được xem xét bởi các quốc gia NGOs và được công bố định kỳ hàng năm, nhằm ghi nhận sự tuân thủ của các ngân hàng này đối với các nguyên tắc Equator. Bên cạnh đó, IFC cùng với *Thời báo tài chính* cũng đã khởi xướng cho “giải thưởng ngân hàng bền vững” từ năm 2006. Trên 104 tổ chức tài chính trong 151 đề cử từ 51 quốc gia đã nằm trong danh sách cuối cùng của giải thưởng vào năm 2007. Số lượng các ngân hàng tham gia hiện nay đã tăng lên đến 100% nếu so sánh với số lượng của

năm trước là 48 ngân hàng từ 28 quốc gia.

Qua đó, chúng ta có thể nhận thấy các hoạt động ngân hàng xanh đang trở thành một xu hướng phát triển mới của các ngân hàng trên thế giới, và ngày càng có tầm ảnh hưởng ngày càng sâu rộng và đóng góp lớn cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế thế giới.

3. Ngân hàng xanh ở VN

VN đã nằm trong một quỹ đạo tăng trưởng nhanh trong khoảng 2 thập kỉ gần đây và nhân tố công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong câu chuyện tăng trưởng của đất nước. Tuy nhiên, nền công nghiệp của VN hiện nay đang gặp phải thách thức rất lớn của việc kiểm soát những tác động môi trường như làm giảm chất thải và sự ô nhiễm môi trường. Mặc dù chính phủ đã cố gắng đưa ra những bộ luật về môi trường và chú trọng ngành công nghiệp sử dụng công nghệ môi trường, song trong thực tế thì chính phủ chưa thực sự có các biện pháp mạnh tay nhằm hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, và bên cạnh đó là sự bắt lạt khi cạnh tranh của những sản phẩm kinh tế thân thiện.

Hiện nay VN là nền kinh tế lớn thứ 43 của thế giới, nhưng đồng thời cũng là quốc gia có mức độ ô nhiễm không khí lớn thứ 10 trên thế giới (Theo đánh giá Xếp hạng hiệu quả hoạt động môi trường 2013 của World Bank tại VN). Chất ô nhiễm chính của VN chủ yếu từ: (a) Những ngành công nghiệp cơ bản có thể kể đến ở đây là kẽm, đồng, thiếc...; (b) Công nghiệp sản xuất và chế biến bột giấy; (c) Thuộc trừ sâu; (d) Công nghệ tinh chế vàng; (e) Phân bón; (f) Công nghệ thuộc da; (g) Đường; (h) Công nghiệp dệt vải; (i) Hóa dầu,...Hoạt động



kinh doanh và đầu tư của các tổ chức tài chính có thể quan tâm đến môi trường kinh doanh của các ngành công nghiệp và làm gia tăng hiệu ứng nhà kính, giảm chất lượng của cuộc sống, đồng thời giảm mức độ hiệu quả của việc sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng, dẫn đến giảm sút chất lượng của dịch vụ và sản phẩm.

Những nguyên tắc về môi trường ở VN hiện nay có thể mở rộng chia thành 2 bộ phận chính: những nguyên tắc ra lệnh, kiểm soát và bộ luật pháp lý. Những nguyên tắc ra lệnh, kiểm soát là các nguyên tắc bên ngoài được xây dựng để ngăn cản những dự án phá hoại môi trường. Những nguyên tắc này được thực hiện bằng cách đưa ra những tiêu chuẩn ô nhiễm riêng biệt cho từng ngành công nghiệp, xem xét kỹ lưỡng từng dự án và đồng ý (từ chối) cấp phép với sự can thiệp từ bên trên như Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Những bộ luật ra đời sau và được bổ sung bằng cách thúc ép quản lý thông qua các khoản tiền thuế phạt, đóng cửa những ngành công nghiệp đang dần rơi vào tình trạng vỡ nợ,... Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện

nay, vẫn chưa có một điều luật hay luật lệ nào ở VN có thể bắt buộc các ngân hàng có trách nhiệm xem xét một cách kỹ lưỡng những dự án đầu tư trước khi tài trợ vốn hay với những dự án phá hoại môi trường được tạo ra bởi những khách hàng của họ. Tuy nhiên trước xu thế phát triển của thế giới, các quy định hợp pháp về tiêu chuẩn môi trường trong tương lai có thể được trình bày một cách rõ ràng và chính xác tại VN do sức ép của dư luận và các tiêu chuẩn của quốc tế đối với hàng hóa xuất khẩu, những ngành công nghiệp gây ô nhiễm có thể bị đóng cửa dần hoặc tái đầu tư để tuân theo các luật lệ đó. Trong quá trình những ngành công nghiệp có thể mất đi tính cạnh tranh trong thị trường toàn cầu, nó có thể trực tiếp tác động xấu đến nền kinh tế VN và khu vực ngân hàng VN trong tương lai. Vì trong trường hợp của các ngành công nghiệp vỡ nợ và đóng cửa, các ngân hàng có thể chuốc lấy những tổn thất về tài chính dựa vào việc gia tăng của nợ xấu, và kéo theo đó là sự khủng hoảng của cả nền kinh tế.

Bên cạnh đó, dư luận cũng gia tăng sự hiểu biết về các phương thức giải quyết sự ô nhiễm. Do đó,

dư luận có thể được sử dụng như một phương pháp để bảo vệ, bãi công và kích động làm dừng lại những hành động tác động xấu đến môi trường hoặc đơn giản là phong cách thời trang của người tiêu dùng có thể loại bỏ các sản phẩm được sản xuất bởi những đơn vị gây ô nhiễm. Hiện tại những tổ chức bảo vệ người tiêu dùng xanh ngày càng quan tâm chất lượng hơn là số lượng của các sản phẩm. Trong tương lai, thị trường sẽ trao thưởng cho các ngành công nghiệp hoặc các công ty nổi bật đã sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng và tài nguyên, và tất nhiên sẽ trừng phạt các nhà sản xuất kém hiệu quả hơn. Xa hơn, các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán sẽ đo lường những tác động từ việc gây ô nhiễm môi trường và từ chối những ngành công nghiệp, doanh nghiệp không tuân theo việc cắt giảm sự ô nhiễm. Điều này một lần nữa sẽ gây ra một rủi ro rất lớn cho các ngân hàng về chất lượng tài sản của họ trong tương lai, khi họ quyết định tài trợ vốn cho các dự án gây ô nhiễm tại thời điểm hiện tại.

Chính vì những lý do trên, việc thực hiện ngân hàng xanh trong bối cảnh hiện nay được xem là một yêu cầu cấp thiết đối với hệ thống ngân hàng VN, nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của cả hệ thống và cho nền kinh tế. Để thực hiện được điều này, các ngân hàng phải rất cẩn trọng xem xét các khía cạnh môi trường của khách hàng và những sản phẩm của họ khi hoạt động tại VN vì như đã phân tích ở trên: (1) Tương lai của xuất khẩu và thị trường sản xuất đang tiến tới thông qua những quy định về luật môi trường rất nghiêm ngặt và các sản phẩm thân thiện, tiết kiệm có thể giúp thị

trường tốt hơn. (2) Sự gia tăng cầu cho các trang thiết bị kiểm soát ô nhiễm có thể cần nhiều hơn nữa sự hỗ trợ tài chính từ các ngân hàng. (3) Ngân hàng Phát triển của VN (VDB) có thể theo phương châm về môi trường cho các ngân hàng trong giới hạn của IFC và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB),... (4) các dự án đầu tư lớn được hỗ trợ bởi các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB) và ADB cần phải đánh giá được các tác động đến môi trường (EIA). Do đó các ngân hàng có thể bổ sung sản xuất sản phẩm như: (1) Định giá lại rủi ro dựa vào môi trường; (2) Quản lý kế toán môi trường; và (3) Định giá các khoản tín dụng cần thiết và những khoản vay trước khi được đầu tư vào các dự án khác nhau. Tuy nhiên, sau khi khu vực ngân hàng có lợi nhuận ngày càng gia tăng, nó cần khuyến khích và hỗ trợ Chính phủ để giúp cho những chương trình bảo vệ môi trường mang lại lợi nhuận lớn hơn cho nền kinh tế cũng như xã hội và từ đó cũng giúp các nhân tố môi trường tự phát triển trong dài hạn. Đối với các ngành công nghiệp có quy mô trung bình, các tổ chức cho vay có thể tài trợ chỉ cho một số biện pháp làm sạch môi trường. Các đơn vị này có thể làm sạch môi trường chỉ khi nó gia tăng lượng chất thải gắn liền với sự cho phép cố định được đưa ra bởi các ủy ban kiểm soát ô nhiễm hoặc bất kỳ một tổ chức nào đã được chứng nhận. Để đo lường mức độ thành công của các chính sách kiểm soát sự ô nhiễm tốt là cần phải thực hiện những điều luật quan trọng bằng cách bổ sung cho những chính sách quản lý của các ngân hàng.

Ngoài ra, VN cần đưa ra một chính sách môi trường quốc gia

(NEP) nhằm phát triển lên đến hệ thống quản lý môi trường như các quốc gia phát triển. Xa hơn, chính sách này cần nhấn mạnh các ngành công nghiệp thực hiện quản lý môi trường thực tiễn bên ngoài phải tuân theo ISO 14000. Một cách tổng quan, NEP rõ ràng mang lại nhiều cách để kiểm soát sự đi xuống của môi trường và bao gồm những khu vực có những ngành công nghiệp mà các cổ đông của nó như khu vực ngân hàng có nhiều trách nhiệm trọng việc quản lý môi trường. Ngoài ra, điểm cần phải nhấn mạnh của chính sách môi trường quốc gia là năng lực sản xuất của các tổ chức tài chính thông qua việc đánh giá những kiến nghị cho việc chuyển đổi sang sử dụng những trang thiết bị máy móc hiện đại hơn bằng cách phát triển công nghệ cũng là một bước đi nên được thực hiện trong tương lai.

4. Giải pháp xây dựng ngân hàng xanh ở VN

4.1. Công việc quản lý môi trường của các tổ chức ngân hàng

Hiện nay, phần lớn quá trình cho vay thương mại ở các nơi trên thế giới thường kiểm duyệt các dự án với những công cụ có tính đến các yếu tố môi trường trong hoạt động kinh doanh. Các tổ chức tài chính có thể thúc đẩy các dự án quan tâm đến các vấn đề sau khi tài trợ vốn: (a) phát triển bền vững và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo, (b) bảo vệ sức khỏe con người, đa dạng sinh học, sức khỏe và an toàn lao động, sản xuất, truyền tải và sử dụng năng lượng hiệu quả, (c) ngăn chặn ô nhiễm và giảm thiểu rác thải, quản lý ô nhiễm (khí phát thải và nước qua sử dụng) và quản lý chất thải rắn và hóa học và, (d) nên có một tổ chức thứ ba chuyên môn để phát thảo kế hoạch quản lý

môi trường.

Do đó, các ngân hàng VN nên xem xét các khía cạnh dưới đây khi tài trợ một dự án:

- Phân tích các dự án trên cơ sở quy mô, bản chất và cường độ của các tác động đến môi trường. Dự án có thể được đánh giá trên cơ sở các hiệu ứng tích cực và tiêu cực tiềm tàng và sau đó so sánh với tình huống giả định không có dự án.

- Trong quá trình đầu tư hay gây quỹ dự án, các định chế tài chính nên tiếp cận những vấn đề nhạy cảm như những nhóm dễ tổn thương; di dân không tự nguyện và dự án nên được đánh giá ở những khu vực môi trường quan trọng như đầm lầy, rừng, thảo nguyên và những khu sinh học khác.

- Các định chế ngân hàng cần đánh giá được giá trị thực của bất động sản và những trách nhiệm nợ liên quan đến môi trường tiềm tàng đi kèm chúng. Do vậy, các ngân hàng nên có quyền thanh tra tài sản hoặc kiểm toán môi trường trong suốt vòng đời của dự án.

- Các ngân hàng cần theo dõi những giao dịch cho chương trình quản trị rủi ro môi trường (Rutherford, 1994) trong suốt việc thực hiện và triển khai dự án. Ngoài ra, cũng cần thiết những cuộc thanh tra thực tế quá trình sản xuất, tái nguyên, đào tạo và hỗ trợ, trách nhiệm nợ môi trường, chương trình kiểm toán...

- Phần tiếp theo trong quá trình đánh giá bao gồm cấu trúc tín dụng, chấp thuận cho vay, tổng quan tín dụng và cuối cùng là quản trị tín dụng dưới góc độ môi trường.

- Ngoài ra các ngân hàng có thể giới thiệu các khoản cho vay xanh và các sản phẩm tương tự: (i) đầu tư vào các dự án môi trường (tái sử dụng, nông nghiệp, công nghệ, phế

liệu, ...) ví dụ như giảm lãi suất cho vay đối với những người vay để lắp hệ thống pin năng lượng mặt trời; (ii) cung cấp cho khách hàng quyền được đầu tư vào các sản phẩm thân thiện với môi trường của ngân hàng; và (iii) đầu tư vào những nguồn lực có sự kết hợp giữa sinh học và xã hội...

4.2. Xây dựng hệ thống quản lý môi trường và vai trò của chính phủ

Với việc xuất hiện ISO 14000 và sự phát triển hệ thống thông tin, ngày nay thật dễ dàng để các nhân viên tin dụng có thể so sánh các công ty với nhau và dành sự chú ý của mình đến việc quản lý sự ô nhiễm và đo lường mối quan hệ giữa trách nhiệm môi trường và rủi ro xung quanh nó. Mặc dù các ngân hàng thương mại dành nhiều sự tập trung đến các nghiệp vụ đầu tư hơn so với vấn đề môi trường, những trách nhiệm môi trường có thể được xây dựng nên từ những điều luật về môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đầu tư của họ trong tương lai gần (Chimidheiny & Zoraquyn, 1996). Ngoài ra, cần xây dựng một hệ thống quản lý, kiểm tra môi trường riêng cho đất nước dựa trên tiêu chuẩn ISO14000, bởi vì kiểm tra môi trường là cần thiết để hướng tới một môi trường dễ dàng để kinh doanh và hướng tới những hình thái phát triển bền vững. Bên cạnh đó, những vấn đề trong quá khứ và hiện tại hay rủi ro môi trường tiềm năng cũng như trách nhiệm về môi trường cần phải được ràng buộc với việc thẩm định dự án đầu tư.

Nhưng để đảm bảo tất cả những việc trên, chắc chắn chúng ta cần có khung pháp lý chặt chẽ về trách nhiệm của các bên liên quan và đặc biệt là hệ thống ngân hàng. Chính

phủ có thể ban hành những quy định để hướng các ngân hàng quan tâm sản xuất với chính sách môi trường đồng nhất và đưa ra công khai. Mặc dù Schimidheiny và Zoraquyn (1996) kết luận từ những nghiên cứu chính là các ngân hàng sẽ ít có động cơ tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường vì: (1) Họ thích các dự án có thời gian thu hồi vốn nhanh hơn; và (2) Những khoản đầu tư có đi kèm theo chi phí quản lý môi trường thường cho tỉ lệ lợi nhuận thấp hơn (Juecken & Bouma, 1999). Do vậy, các khoản đầu tư bền vững dường như khó tìm kiếm được nguồn quỹ với thị trường tài chính hiện nay. Chính vì thế, Chính phủ cần phải thiết kế cơ chế pháp lý và quy tắc môi trường cho các ngân hàng, nhằm tạo động lực cũng như sự ràng buộc của hệ thống ngân hàng đối với vấn đề “tăng trưởng xanh” của đất nước.

6. Kết luận

Với sự phát triển kinh tế nhanh chóng thì toàn cầu hóa đã làm gia tăng mạnh mẽ sự cạnh tranh, các ngành công nghiệp và các công ty, điều này có thể dẫn đến một sự tàn phá môi trường nặng nề và khiến nền kinh tế đi vào ngõ cụt, đặc biệt là sự tác động của các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường.

Hoạt động ngân hàng xanh nếu được thực hiện tốt sẽ có tác dụng ngăn chặn các ngành công nghiệp gây ô nhiễm lớn ngay từ khi các dự án mới hình thành, và được xem là một giải pháp hữu hiệu để chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang nền kinh tế xanh ở VN. Khu vực ngân hàng và tài chính có thể tạo thành những khu vực có thể chống đỡ những nguy cơ thiếu bền vững để phát triển, hướng đến là các nghiệp vụ ngân hàng xanh. Đây là thời

điểm để VN có thể từ từ áp dụng bộ nguyên tắc quy định Equator và sử dụng các tham số nhạy cảm môi trường để cấp vốn cho các dự án, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và thân thiện với môi trường ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Blacconiere, Walter and Dennis Pattern, (1993), “Environment Disclosure, regulatory costs and changes in firm values,” *Journal of Accounting and Economics* (December).
- Chopra, Kanchan and Kumar, Pushpam (2005), *Ecosystems and Human Well-Being, Our Human Planet, Summary for Decision Makers, Millennium Ecosystem Assessment*, Washington D.C, Island Press.
- Down to Earth, “Enter the Green Rating Project”, *Science & Environment Fortnight*, July 31, 1999.
- Ellis, BillieJ, Jr Sharon S Willians and Sandra Y Bodeau, (1992), “Helping a Lender Develop an Environmental Risk Program,” *The Practical Real Estate Layer*, July.
- Goldar, B.N (2007), “Impact of Corporate Environmental Performance or Profitability and Market Value: A case Study of Indian Firms” Paper presented in National Conference *Expanding Freedom: Towards Social and Economic Transformation in Globalised World*, April 11-13, 2007, Institute of Economic Growth, Delhi.
- Gupta, S, (2003), *Do Stock market penalise Environment-Unfriendly Behaviour? Evidence from India*, Delhi School of Economics, Working Paper Series, No-116.
- Hamilton, James T (1995), “Pollution As News: Media And Stock Markets Reactions To The Toxics Release Inventory Data”, *Journal Of Environmental Economics And Management* 28.

(Xem tiếp trang 31)